

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 46

0081
C
RNS
VI
CH
I
4/4/4

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty"), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông Võ Anh Linh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Minh Cúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Tuấn, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Tổng Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

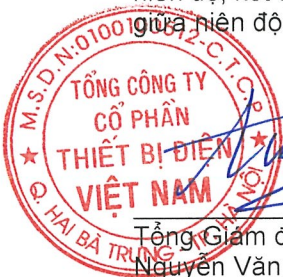
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61355749/19516923/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

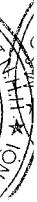
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 28 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 26 tháng 8 năm 2016. Ngoài ra, công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 17 tháng 2 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.471.689.984.480	2.387.487.256.005
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	290.490.978.202	1.952.418.381.205
111	1. Tiền		148.990.978.202	307.418.381.205
112	2. Các khoản tương đương tiền		141.500.000.000	1.645.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	630.000.000.000	242.046.708.523
121	1. Chứng khoán kinh doanh		630.000.000.000	197.046.708.523
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	45.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		466.932.268.798	182.141.870.759
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	245.705.991.736	163.450.273.240
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.846.642.413	1.636.721.863
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.000.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	219.953.325.355	11.054.875.656
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(4.573.690.706)	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	75.169.936.720	326.486.935
141	1. Hàng tồn kho		75.169.936.720	326.486.935
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.096.800.760	10.553.808.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		78.136.319	99.327.985
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.005.052.223	10.444.847.648
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		13.612.218	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.109.472.559.226	3.027.652.236.271
220	I. Tài sản cố định		178.093.366.530	214.620.593.551
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	178.093.366.530	214.620.593.551
222	Nguyên giá		286.085.847.438	319.258.326.957
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(107.992.480.908)	(104.637.733.406)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(60.000.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	167.088.695.221	138.705.542.050
231	1. Nguyên giá		183.722.287.521	148.649.765.571
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(16.633.592.300)	(9.944.223.521)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.138.214.910	4.455.651.410
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	4.138.214.910	4.455.651.410
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	4.729.378.189.585	2.638.243.819.355
251	1. Đầu tư vào công ty con		4.655.651.813.915	1.971.025.617.177
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		86.062.555.604	681.940.062.485
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(12.336.179.934)	(14.721.860.307)
260	V. Tài sản dài hạn khác		30.774.092.980	31.626.629.905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	30.774.092.980	31.626.629.905
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.581.162.543.706	5.415.139.492.276

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.187.450.978.851	3.326.735.731.050
310	I. Nợ ngắn hạn		1.233.212.945.731	1.352.260.147.189
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	151.887.275.032	125.201.617.399
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		478.178.368	331.910.950
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	214.641.000	10.110.354.020
314	4. Phải trả người lao động		3.753.895.284	6.987.068.362
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	9.374.755.713	11.877.743.290
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	3.252.326.552	3.192.367.948
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	21.534.434.026	22.202.719.816
320	8. Vay ngắn hạn	21	1.017.796.171.544	1.152.533.365.523
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	20.343.848.691	18.517.030.360
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.577.419.521	1.305.969.521
330	II. Nợ dài hạn		1.954.238.033.120	1.974.475.583.861
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	46.390.329.854	46.945.637.558
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	99.428.029.395	99.062.274.095
338	3. Vay dài hạn	21	1.792.000.000.002	1.793.713.636.364
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	22	14.938.298.879	25.640.119.184
343	5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		1.481.374.990	9.113.916.660
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.393.711.564.855	2.088.403.761.226
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	3.391.407.778.748	2.086.022.491.785
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.320.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.320.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		688.715.724.760	66.378.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		139.656.441.276	139.656.441.276
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		243.035.612.712	335.013.050.509
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		90.902.919.509	29.506.521.349
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		152.132.693.203	305.506.529.160
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.303.786.107	2.381.269.441
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.303.786.107	2.381.269.441
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.581.162.543.706	5.415.139.492.276



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.244.163.237.360	732.227.822.687
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	(201.188.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.244.163.237.360	732.026.634.687
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.217.619.028.915)	(619.451.997.442)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.544.208.445	112.574.637.245
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	243.806.986.992	182.242.946.641
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	26	(98.358.123.443) (98.810.047.807)	(18.321.654.100) (565.668.584)
25	8. Chi phí bán hàng	27	6.763.710.205	(12.861.654.417)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(25.575.346.464)	(19.809.899.044)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		153.181.435.735	243.824.376.325
31	11. Thu nhập khác		150.000	80.688.757
32	12. Chi phí khác		(1.048.892.532)	(225.688.433)
40	13. Lỗ khác		(1.048.742.532)	(144.999.676)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		152.132.693.203	243.679.376.649
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	-	(17.962.929.933)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		152.132.693.203	225.716.446.716



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		152.132.693.203	243.679.376.649
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		9.924.307.945	18.076.694.682
03	Các khoản dự phòng		(6.686.991.641)	22.681.466.719
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.805.859)	334.860.134
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(226.545.730.559)	(182.205.698.993)
06	Chi phí lãi vay	26	98.810.047.807	565.668.584
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		27.632.520.896	103.132.367.775
09	Tăng các khoản phải thu		(76.161.878.749)	(91.165.258.715)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(74.843.449.785)	27.693.745.613
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		6.460.440.165	(112.246.559.202)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		873.728.591	(633.432.384)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(432.953.291.477)	(40.000.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(100.402.351.029)	(565.668.584)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(6.918.948.141)	(9.099.399.393)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.838.681.000)	(13.309.614.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(665.151.910.529)	(136.193.818.890)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.093.577.965)	(43.048.013.957)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	35.001.600
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(250.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		47.000.000.000	181.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.432.262.876.940)	(19.123.660.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26.700.707.486	47.175.835.400
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		335.532.130.845	162.384.041.411
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(2.027.123.616.574)	78.423.204.454

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.396.895.970.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		2.085.852.008.468	272.851.582.575
34	Tiền trả nợ gốc vay		(2.220.589.202.447)	(37.290.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(231.811.825.000)	(154.352.610.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.030.346.951.021	81.208.972.575
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(1.661.928.576.082)	23.438.358.139
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		1.952.418.381.205	121.223.651.001
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.173.079	(1.715.149)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	290.490.978.202	144.660.293.991



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật Điện được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 10 tháng 7 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Sau đó, Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, và theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010. Tổng Công ty cũng được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi sau này, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 7 năm 2017.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ hiện tại bao gồm quản lý vốn; kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng; các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV; kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi; kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 83 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 79 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (“Cadivi”)	74,73%	74,73%	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (“HEM”)	65,88%	65,88%	Km12 đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3	Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (“Năng lượng GELEX”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
4	Công ty TNHH GELEX Campuchia (“GELEX Campuchia”)	100%	100%	Số 4B Đường 564, Phnom Penh, Campuchia	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
5	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (“Thibidi”)	70,79%	70,79%	Đường số 09, KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
6	Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Đo Điện (“EMIC”)	100%	100%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất thiết bị đo điện
7	Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (“Vinakip”)	72,15%	72,15%	Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện dân dụng và công nghiệp
8	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Sotrans”)	51,03%	51,03%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Tổng Công ty cũng sở hữu các công ty con khác với thông tin cụ thể như sau:

Công ty Cadivi:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	100%	100%	Đường số 1, khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc ("Cadivi Miền Bắc")	100%	100%	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh dây và cáp điện

Công ty HEM:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội ("HECO")	70,02%	70,02%	Lô J12, đường số 10, KCN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2	Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	51,35%	51,35%	Km12 - Quốc lộ 32, Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty Năng lượng GELEX:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
1	Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	65%	65%	Tổ 9, thôn Thạnh Mỹ 2, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, Quảng Nam	Sản xuất thủy điện
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX ("GELEX ICC")	81,25%	81,25%	Số 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Sotrans:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính trong kỳ</u>
1	Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam ("Cảng Miền Nam")	51%	51%	Số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải đa phương thức, giao nhận hàng hóa
2	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans ("Hạ tầng Sotrans")	100%	100%	Số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải
3	Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam ("Sowatco") (*)	75,01%	75,01%	Số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại, cơ khí đóng tàu và dịch vụ tiếp vận.
4	Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh ("Sotrans Hà Tĩnh")	100%	100%	Nhà Ông Trịnh Thiên Chiến, tổ dân phố Độ Gõ, Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức ("VTX")	82,65%	82,65%	Số 80-82 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	Kinh doanh hoạt động vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ và vận tải đường thủy
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	86,15%	86,15%	Số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng
7	Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	70%	70%	Số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	51%	51%	Số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng các công trình dân dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký vào năm 2004 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản dự phòng

Tổng Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ cáo tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG KỲ

4.1 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam

Vào ngày 24 tháng 3 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 26,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam ("Sotrans") và qua đó, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Sotrans thành 51,03%. Theo đó, Công ty Sotrans trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Sotrans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2008 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 11 được cấp ngày 13 tháng 12 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Sotrans là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho bãi; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa.

Tại ngày 24 tháng 3 năm 2017, Công ty Sotrans sở hữu trực tiếp 4 công ty con bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (*);
- Công ty Cổ phần Sotrans Hà Tĩnh; và
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức.

(*) Công ty con này sở hữu Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam, là một công ty sở hữu 3 công ty con và 3 công ty liên kết khác.

Ngoài ra, Công ty Sotrans có 4 khoản đầu tư vào các công ty đầu tư liên doanh, liên kết là:

- Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO;
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier;
- Công ty TNHH Lô-gi-Stíc Gefco – Sotrans; và
- Công ty Cổ phần MHC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. NGHIỆP VỤ MUA CÔNG TY CON TRỌNG YẾU TRONG KỲ (tiếp theo)

4.1 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (tiếp theo)

Thông tin về tỷ lệ sở hữu, tỷ lệ biểu quyết và hoạt động của Công ty Sotrans và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Thuyết minh Số 1.

Tổng Công ty mua Công ty Sotrans với mục đích phát triển mảng kinh doanh vận tải và tiếp vận của Tập đoàn.

4.2 Mua thêm sở hữu trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 22,91% cổ phần của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I ("Vinakip") thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Vinakip. Thông qua giao dịch này, Tổng Công ty tăng tỷ lệ sở hữu trong Công ty Vinakip thành 72,15% và theo đó, Công ty Vinakip trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Công ty Vinakip là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 247/2003/QĐ-BCN ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công Nghiệp. Công ty được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000160 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2004, và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần 6 số 0500447942 được cấp ngày 18 tháng 1 năm 2016. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính trong kỳ của Công ty Vinakip là chế tạo và kinh doanh các thiết bị đóng ngắt, điều khiển và bảo vệ dòng điện.

Tổng Công ty mua Công ty Vinakip với mục đích phát triển mảng kinh doanh thiết bị điện của Tập đoàn.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	4.511.203.792	1.163.674.666
Tiền gửi ngân hàng	144.479.774.410	306.254.706.539
Các khoản tương đương tiền (*)	141.500.000.000	1.645.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>290.490.978.202</u>	<u>1.952.418.381.205</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Trái phiếu (i)	600.000.000.000	600.000.000.000	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-
Ủy thác đầu tư (ii)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	630.000.000.000	630.000.000.000	-	197.046.708.523	197.046.708.523	-

(i) Chi tiết các khoản trái phiếu như sau:

Tổ chức phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	500.000.000.000	Kỳ hạn 2 năm, gốc và lãi được nhận vào ngày 21 tháng 2 năm 2019 khi đáo hạn	9,5%	Tin chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Giáo dục Hải An	100.000.000.000	Kỳ hạn 3 năm, lãi được nhận hàng năm. Trái phiếu đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2020	9,5%	Tin chấp
	600.000.000.000			

Tổng Công ty phân loại các trái phiếu nêu trên là chứng khoán kinh doanh (ngắn hạn) dựa trên chủ trương chuyển nhượng trước ngày đáo hạn được Ban Tổng Giám đốc xây dựng trước khi đầu tư các khoản này.

(ii) Đây là khoản ủy thác đầu tư của Tổng Công ty cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ký ngày 19 tháng 1 năm 2017, nhằm mục đích ủy thác đầu tư cổ phiếu (không có danh mục cụ thể) trong vòng 1 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng.

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
TỔNG CỘNG	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu từ khách hàng	45.892.299.661	70.791.784.176
- Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	22.821.750.000	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu Điện Hà Nội	5.763.936.875	5.763.936.875
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	4.190.579.833	1.486.823.745
- Các khoản phải thu khách hàng khác	13.116.032.953	63.541.023.556
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	199.813.692.075	92.658.489.064
TỔNG CỘNG	245.705.991.736	163.450.273.240
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.573.690.706)	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Vật tư Xây dựng Hà Nội (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	2.000.000.000
TỔNG CỘNG	4.000.000.000	6.000.000.000

(*) Khoản cho vay này có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6%/năm, đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đặt cọc mua cổ phần (i)	214.448.750.000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức	4.604.203.870	2.741.704.141
Phải thu tiền góp vốn tại GELEX Campuchia do giảm vốn	-	4.957.327.000
Tạm ứng tiền thưởng Hội đồng Quản trị, ban điều hành	-	3.000.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	819.110.000	149.000.000
Phải thu khác	81.261.485	206.844.515
TỔNG CỘNG	<u>219.953.325.355</u>	<u>11.054.875.656</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>69.988.928.870</i>	<i>7.246.253.363</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>149.964.396.485</i>	<i>3.808.622.293</i>

(i) Các khoản đặt cọc mua cổ phần tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tổng Công ty bao gồm:

- Khoản đặt cọc với số tiền 65.550.000.000 VND để mua thêm 5,7 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari (“VIHEM”) – công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, thông qua phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty VIHEM cho Tổng công ty. Giao dịch này đã được hoàn thành vào ngày 17 tháng 7 năm 2017 (xem thêm Thuyết minh số 33).
- Khoản đặt cọc với số tiền là 148.898.750.000 VND cho một số cá nhân để mua cổ phần của một công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị điện, thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với các cá nhân này ký trong năm 2017.

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	75.025.457.839	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	144.478.881	-	326.486.935	-
TỔNG CỘNG	<u>75.169.936.720</u>	<u>-</u>	<u>326.486.935</u>	<u>-</u>

Một số hàng tồn kho đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	218.151.651.278	39.195.985.380	9.996.540.909	51.914.149.390	319.258.326.957
- Mua trong kỳ	500.000.000	1.310.296.976		89.745.455	1.900.042.431
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (<i>Thuyết minh số 12</i>)	<u>(22.236.812.073)</u>	<u>(2.531.181.706)</u>	-	<u>(10.304.528.171)</u>	<u>(35.072.521.950)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>196.414.839.205</u>	<u>37.975.100.650</u>	<u>9.996.540.909</u>	<u>41.699.366.674</u>	<u>286.085.847.438</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	29.609.226.398	20.334.538.338	3.734.250.000	422.929.864	54.100.944.600
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	68.864.959.054	23.977.807.879	4.621.891.416	7.173.075.057	104.637.733.406
- Khấu hao trong kỳ	2.648.990.647	759.301.040	521.857.578	2.575.166.240	6.505.315.505
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (<i>Thuyết minh số 12</i>)	<u>(1.034.461.518)</u>	<u>(265.389.367)</u>	-	<u>(1.850.717.118)</u>	<u>(3.150.568.003)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>70.479.488.183</u>	<u>24.471.719.552</u>	<u>5.143.748.994</u>	<u>7.897.524.179</u>	<u>107.992.480.908</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	<u>149.286.692.224</u>	<u>15.218.177.501</u>	<u>5.374.649.493</u>	<u>44.741.074.333</u>	<u>214.620.593.551</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>125.935.351.022</u>	<u>13.503.381.098</u>	<u>4.852.791.915</u>	<u>33.801.842.495</u>	<u>178.093.366.530</u>

Một số tài sản cố định hữu hình bao gồm Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành (phần diện tích sử dụng nội bộ), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị (*)</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	95.163.626.739	53.486.138.832	148.649.765.571
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh số 11</i>)	<u>22.236.812.074</u>	<u>12.835.709.876</u>	<u>35.072.521.950</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>117.400.438.813</u>	<u>66.321.848.708</u>	<u>183.722.287.521</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	3.476.476.033	6.467.747.488	9.944.223.521
- Khấu hao trong kỳ	950.557.367	2.588.243.409	3.538.800.776
- Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình (<i>Thuyết minh số 11</i>)	<u>1.034.461.518</u>	<u>2.116.106.485</u>	<u>3.150.568.003</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>5.461.494.918</u>	<u>11.172.097.382</u>	<u>16.633.592.300</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)	<u>91.687.150.706</u>	<u>47.018.391.344</u>	<u>138.705.542.050</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>111.938.943.895</u>	<u>55.149.751.326</u>	<u>167.088.695.221</u>

(*) Đây là các hệ thống máy móc thiết bị gắn liền với bất sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành, Hà Nội (tính theo tỷ lệ phần diện tích cho thuê trên tổng diện tích thương mại), đã được thế chấp cho khoản trái phiếu của Tổng Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 21.2.

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dự án Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	317.436.500
TỔNG CỘNG	<u>4.138.214.910</u>	<u>4.455.651.410</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con		4.655.651.813.915	-	7.510.292.606.000		1.971.025.617.177	-	2.821.085.860.322
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX (*)	100%	1.400.000.000.000	-	1.400.000.000.000	100%	220.000.000.000	-	220.000.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	51,03%	1.134.470.274.098	-	1.133.599.558.000	(i)	-	-	-
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	74,73%	898.925.841.841	-	2.475.009.760.000	74,73%	484.822.695.174	-	1.085.865.792.000 670.662.038.822
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	70,79%	576.262.038.822	-	1.710.074.965.500	70,79%	670.662.038.822	-	(*)
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện (*)	100%	368.000.000.000	-	368.000.000.000	100%	368.000.000.000	-	368.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	65,88%	214.009.733.181	-	341.815.654.500	65,88%	214.009.733.181	-	463.026.879.500
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	72,15%	63.452.775.973	-	81.261.518.000	(ii)	-	-	-
Công ty TNHH GELEX Campuchia (*)	100%	531.150.000	-	531.150.000	100%	531.150.000	-	531.150.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (*)	-	-	-	-	81,25%	13.000.000.000	-	13.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		86.062.555.604	(12.336.179.934)	80.316.567.977		681.940.062.485	(14.721.860.307)	668.239.296.727
Công ty Dây Đồng Việt Nam – CFT (*)	36,35%	69.285.387.977	-	69.285.387.977	36,35%	69.285.387.977	-	69.285.387.977
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari	34,27%	16.777.167.627	(12.336.179.934)	11.031.180.000	34,27%	16.777.167.627	(14.721.860.307)	16.099.560.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (*) (**)	-	-	-	-	25,50%	5.332.103.750	-	5.332.103.750
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	(ii)	-	-	-	49,24%	36.252.566.768	-	47.152.245.000
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	(i)	-	-	-	24,93%	554.292.836.363	-	530.370.000.000
TỔNG CỘNG		4.741.714.369.519	(12.336.179.934)	7.590.609.173.977		2.652.965.679.662	(14.721.860.307)	3.489.325.157.049

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán nên Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư theo giá trị ghi sổ.

(**) Đã thoái vốn toàn bộ trong năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 26,01% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam (“Sotrans”) vào ngày 24 tháng 3 năm 2017 và theo đó, Công ty Sotrans chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.
- (ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Tổng Công ty mua thêm phần sở hữu (cụ thể là 22,91% cổ phần) trong Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I (“Vinakip”) vào ngày 31 tháng 5 năm 2017 và theo đó, Công ty Vinakip chuyển đổi từ công ty liên kết thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty như sau:

- (a) Công ty Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam – Hungari là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100101925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 4 ngày 21 tháng 7 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại tổ 24, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong kỳ của công ty này là sản xuất, chế tạo, kinh doanh động cơ điện.
- (b) Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT là một công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 1576/GPĐT do Trường Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 8 năm 2002. Công ty này có trụ sở chính tại đường số 9, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất nguyên liệu chính trong ngành sản xuất dây, cáp điện, dây điện từ và cáp viễn thông. Theo Giấy phép đầu tư nói trên, tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong Công ty Dây đồng Việt Nam – CFT được tăng từ 36,35% lên 45% từ năm 2016 đến hết thời hạn liên doanh (năm 2026) mặc dù phần vốn góp của Tổng Công ty trong đơn vị liên doanh này không đổi.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dài hạn		
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền (*)	12.476.222.758	12.743.034.340
Chi phí cải tạo văn phòng	8.646.895.414	8.466.491.146
Chi phí thuê đất trả trước (*)	7.293.743.262	7.392.210.744
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.570.551.023	1.862.116.454
Công cụ, dụng cụ	592.106.706	526.509.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	194.573.817	636.267.325
TỔNG CỘNG	<u>30.774.092.980</u>	<u>31.626.629.905</u>

(*) Chi phí thuê đất trả trước và chi phí xây dựng hạ tầng và san nền là các khoản chi phí liên quan đến khu đất thuộc Khu công nghiệp Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, hiện đang được thuê lại bởi Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện, công ty con của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	83.374.810.522	83.374.810.522	6.255.393.883	6.255.393.883
- LS-Nikko Copper Inc.	66.046.244.752	66.046.244.752	-	-
- Công ty TNHH Trung tâm Thép NSSB Sài Gòn	6.638.804.123	6.638.804.123	-	-
- Phải trả đối tượng khác	10.689.761.647	10.689.761.647	6.255.393.883	6.255.393.883
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	68.512.464.510	68.512.464.510	118.946.223.516	118.946.223.516
TỔNG CỘNG	151.887.275.032	151.887.275.032	125.201.617.399	125.201.617.399

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp/cần trừ trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	124.363.284.763	(124.363.284.763)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.918.948.141	-	(6.918.948.141)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.024.975.267	7.433.717.861	(8.244.052.128)	214.641.000
Thuế đất	1.331.784.440	4.586.347.805	(5.918.132.245)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	834.646.172	26.997.887	(861.644.059)	-
TỔNG CỘNG	10.110.354.020	136.410.348.316	(146.306.061.336)	214.641.000

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	8.982.755.713	10.575.058.935
Chi phí phải trả khác	392.000.000	1.302.684.355
TỔNG CỘNG	9.374.755.713	11.877.743.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	3.252.326.552	3.192.367.948
TỔNG CỘNG	3.252.326.552	3.192.367.948
Dài hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng	46.390.329.854	46.945.637.558
TỔNG CỘNG	46.390.329.854	46.945.637.558

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Nhận đặt cọc thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyễn Hãn - Hà Nội (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.534.434.026	2.202.719.816
TỔNG CỘNG	21.534.434.026	22.202.719.816
Dài hạn		
Chứng quyền đặt mua (**)	90.000.000.000	90.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.428.029.395	9.062.274.095
TỔNG CỘNG	99.428.029.395	99.062.274.095

(*) Đây là khoản tiền đặt cọc của một công ty và một cá nhân để thực hiện dự án tại số 10 Trần Nguyễn Hãn – Hà Nội.

(**) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Chứng khoán IB ("IB") đã trả cho Tổng Công ty để mua chứng quyền theo các Hợp đồng số 20161206/HĐ/IBSC-GEX ngày 6 tháng 12 năm 2016 và số 20161212/HĐ/IBSC-GEX ngày 12 tháng 12 năm 2016. Theo đó, Công ty IB đã mua tổng cộng 1.800 chứng quyền với giá 50 triệu VND/chứng quyền. Mỗi chứng quyền tương ứng với quyền mua 50.000 cổ phần của Tổng Công ty, với giá 20.000 VND/cổ phần. Giá mua mỗi cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng và giá mua không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần. Thời gian thực hiện các chứng quyền này không muộn hơn ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc phát hành các chứng quyền này được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty, thông qua Nghị quyết số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

Đơn vị tính: VND

<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Trong kỳ</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng 21.1	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523	2.085.852.008.468	(2.220.589.202.447)	1.017.796.171.544	1.017.796.171.544
TỔNG CỘNG	1.152.533.365.523	1.152.533.365.523	2.085.852.008.468	(2.220.589.202.447)	1.017.796.171.544	1.017.796.171.544
Vay dài hạn						
Trái phiếu phát hành 21.2	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	1.600.000.002	(3.313.636.364)	1.792.000.000.002	1.792.000.000.002
TỔNG CỘNG	1.793.713.636.364	1.793.713.636.364	1.600.000.002	(3.313.636.364)	1.792.000.000.002	1.792.000.000.002

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn bằng VND được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	617.700.161.904	Kỳ hạn vay là 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 12 tháng 12 năm 2017	5,0% - 5,2%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	374.555.939.629	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 29 tháng 11 năm 2017	4,8% - 5,2%	Quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế và hàng tồn kho luân chuyển.
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Ba Đình	25.540.070.011	Kỳ hạn vay là 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 27 tháng 10 năm 2017	5,0% - 5,1%	Quyền phải thu và hàng tồn kho luân chuyển.
	<u>1.017.796.171.544</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Trái phiếu phát hành

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn	Giá trị (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (*)	1.800.000.000.000	8,5%	Tất toán vào tháng 12 năm 2019	1.800.000.000.000	8,5%	Tất toán vào tháng 12 năm 2019
Chi phí phát hành trái phiếu	(7.999.999.998)			(6.286.363.636)		
TỔNG CỘNG	1.792.000.000.002			1.793.713.636.364		

(*) Gồm 2 hợp đồng mua bán trái phiếu như sau:

- (i) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01.2016/HĐĐM/TPBANK-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Tiên Phong: vào ngày 12 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 800 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 800 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ Tòa nhà Gelex Tower tại địa chỉ số 52 Lê Đại Hành;
- ▶ 10.946.969 cổ phần trong Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam ("Thibidi"), 24.242.245 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"), 23.600.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng trong Công ty Thidibi thuộc sở hữu của Tổng Công ty và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX có nguồn gốc từ trái phiếu phát hành.

- (ii) Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 612/2016/HĐĐM.TP/VIB-GELEX giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình: vào ngày 6 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát hành 1.000 trái phiếu không chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.000 tỷ đồng.

Tài sản đảm bảo cho các trái phiếu này bao gồm:

- ▶ 41.000.000 cổ phần phổ thông trong Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam;
- ▶ Toàn bộ phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land (thành lập ngày 12 tháng 7 năm 2017).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	20.343.848.691	18.517.030.360
TỔNG CỘNG	20.343.848.691	18.517.030.360
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	14.938.298.879	25.640.119.184
TỔNG CỘNG	14.938.298.879	25.640.119.184

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên các sản phẩm mà Tổng Công ty sản xuất và bán ra trong các năm trước theo điều khoản hợp đồng và thời gian bảo hành cam kết với khách hàng (từ 1 đến 6 năm). Do Tổng Công ty đã chuyển giao toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện sang công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện trong năm 2016 nên Tổng Công ty không trích lập thêm dự phòng bảo hành trong năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	225.716.446.716	225.716.446.716
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(154.500.000.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	77.656.441.276	(77.656.441.276)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.495.000.000)	(17.495.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.550.000.000.000</u>	<u>66.378.000.000</u>	<u>(5.025.000.000)</u>	<u>139.656.441.276</u>	<u>255.222.968.065</u>	<u>2.006.232.409.341</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	335.013.050.509	2.086.022.491.785
- Tăng vốn trong kỳ (*)	770.000.000.000	615.729.724.760	-	-	-	1.385.729.724.760
- Bán cổ phiếu quỹ	-	6.608.000.000	5.025.000.000	-	-	11.633.000.000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	152.132.693.203	152.132.693.203
- Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(232.000.000.000)	(232.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	(12.110.131.000)	(12.110.131.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.320.000.000.000</u>	<u>688.715.724.760</u>	<u>-</u>	<u>139.656.441.276</u>	<u>243.035.612.712</u>	<u>3.391.407.778.748</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Dựa trên chủ trương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 1 tháng 8 năm 2016, Tổng Công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 06/2017/GELEX/NQ-HĐQT vào ngày 23 tháng 1 năm 2017 phê duyệt kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, số cổ phiếu này được góp đủ trong năm 2017 và chính thức lưu hành từ ngày 23 tháng 1 năm 2017.

(**) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tổng Công ty đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền vào ngày 19 tháng 5 năm 2017.

23.2 Cổ tức

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2015: 1.000 VND/cổ phiếu	-	154.500.000.000
Cổ tức cho năm 2016: 1.000 VND/cổ phiếu	232.000.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 (*)	-	-

(*) Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu thưởng vào ngày 17 tháng 7 năm 2017 như được trình bày tại Thuyết minh số 33.

23.3 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu tại ngày</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu phổ thông	232.000.000	155.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	500.000
Cổ phiếu phổ thông	-	500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	232.000.000	154.500.000
Cổ phiếu phổ thông	232.000.000	154.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết tại sàn UPCOM theo mã chứng khoán là GEX.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	1.244.163.237.360	732.227.822.687
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm (*)	-	508.611.745.676
Doanh thu bán hàng hóa	1.212.256.245.934	200.466.254.771
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.906.991.426	23.149.822.240
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(201.188.000)
Doanh thu thuần	1.244.163.237.360	732.026.634.687
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm (*)	-	508.410.557.676
Doanh thu bán hàng hóa	1.212.256.245.934	200.466.254.771
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.906.991.426	23.149.822.240
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	86.832.093.820	488.588.251.921
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.157.331.143.540	243.438.382.766

(*) Như đề cập tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã chuyển giao toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện sang công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện trong năm 2016. Do đó, Công ty không còn nghiệp vụ bán thành phẩm trong năm 2017.

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	19.882.395.061	7.237.898.897
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư	16.620.604.092	19.842.550.996
Cổ tức, lợi nhuận được chia	206.780.002.180	155.090.247.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	523.985.659	72.249.248
TỔNG CỘNG	243.806.986.992	182.242.946.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	406.622.722.465
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.201.079.717.325	197.757.005.189
Giá vốn của dịch vụ cung cấp	16.539.311.590	15.072.269.788
TỔNG CỘNG	<u>1.217.619.028.915</u>	<u>619.451.997.442</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	98.810.047.807	565.668.584
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	1.600.000.002	-
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	116.666.682	374.219.604
Chi phí tài chính khác	(2.385.680.373)	17.381.765.912
	217.089.325	-
TỔNG CỘNG	<u>98.358.123.443</u>	<u>18.321.654.100</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	1.361.572.763
Chi phí nhân công	-	612.290.941
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.103.041.769	5.275.187.902
Chi phí bảo hành (*)	(8.875.001.974)	4.428.871.561
Chi phí bán hàng khác	8.250.000	1.183.731.250
TỔNG CỘNG	<u>(6.763.710.205)</u>	<u>12.861.654.417</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.108.139.574	1.570.849.478
Chi phí nhân công	10.995.146.258	7.952.973.316
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.992.848.857	350.770.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	899.821.440	5.795.069.722
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.579.390.335	4.140.236.462
TỔNG CỘNG	<u>25.575.346.464</u>	<u>19.809.899.044</u>

(*) Chi phí bảo hành âm do Tổng Công ty hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	1.205.240.764.399	586.048.785.925
Chi phí nhân công	14.100.324.244	19.946.557.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.924.307.945	18.076.694.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.795.319.052	17.725.852.971
Hoàn nhập dự phòng	(11.863.311.268)	(669.310.419)
Chi phí khác	12.233.260.802	10.994.970.061
TỔNG CỘNG	<u>1.236.430.665.174</u>	<u>652.123.550.903</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Tổng Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	152.132.693.203	243.679.376.649
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Tổng Công ty	30.426.538.641	48.735.875.330
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	488.988.652	184.583.315
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	-	60.958.320
Dự phòng phải thu khó đòi	914.738.141	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận	9.525.969.618	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(41.356.000.436)	(31.018.049.500)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	(234.616)	(437.532)
Chi phí thuế TNDN	<u>-</u>	<u>17.962.929.933</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

29.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty có khoản lỗ tính thuế lũy kế với tổng số tiền là 47.629.848.090 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai, chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2017
2017	2022	47.629.848.090	-	-	47.629.848.090
TỔNG CỘNG		47.629.848.090	-	-	47.629.848.090

(*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia	786.084.313.990 150.652.768.000	195.358.655.892 56.165.472.000
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu cung cấp dịch vụ	247.486.628.271 10.244.480.513 495.709.050	168.577.849.718 24.378.127.500 487.090.869
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa Cổ tức, lợi nhuận được chia	204.309.189.246 103.640.907.000	10.093.604.630 31.277.056.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết (đến tháng 3 năm 2017)	Doanh thu bán hàng hóa Lãi cho vay Cổ tức, lợi nhuận được chia	162.687.930.378 - -	26.094.744.355 480.000.000 1.020.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Điện Việt Nam – Hungari	Công ty liên doanh	Chuyển tiền đặt cọc mua cổ phần Lãi cho vay	65.550.000.000 150.002.507	- 371.553.600
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu bán hàng hóa	48.483.390.000 362.430.870	36.088.875.000 3.146.267.100
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	Công ty con	Mua thêm vốn cổ phần Cổ tức, lợi nhuận được chia Doanh thu bán hàng hóa	27.200.209.205 2.490.690.000 -	- 3.470.080.000 1.626.419.000
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Cho thuê văn phòng Doanh thu bán hàng hóa	2.032.462.278 1.266.000.000	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	93.107.728	108.678.454
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	-	5.559.222.966
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết (đến tháng 8 năm 2016)	Doanh thu bán hàng hóa	-	963.699.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tổng Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tổng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)</i>				
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	116.648.488.465	81.430.811.033
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa	83.158.942.487	-
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Bán hàng hóa	3.840.452	-
Công ty TNHH Một thành viên Năng lượng GELEX	Công ty con	Bán hàng hóa	1.505.042	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Bán hàng hóa	915.629	485.617
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	Bán hàng hóa	-	10.881.605.862
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	Công ty con	Bán hàng hóa	-	297.221.650
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Bán hàng hóa	-	48.364.902
			199.813.692.075	92.658.489.064
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Điện Việt Nam – kết Hungari	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
			-	2.000.000.000
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>				
Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari	Công ty liên kết	Phải thu tiền đặt cọc mua cổ phần	65.550.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	2.438.928.870	2.288.926.363
Công ty Cổ phần Khí cụ Điện I	Công ty con	Phải thu tiền cổ tức	2.000.000.000	-
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Công ty con	Phải thu về thu hồi góp vốn đầu tư	-	4.957.327.000
			69.988.928.870	7.246.253.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</i>				
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	Mua hàng hóa	43.880.674.762	43.365.078.051
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị đo Điện	Công ty con	Mua hàng hóa	24.015.440.199	74.981.795.916
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hóa	599.349.549	599.349.549
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Miền Bắc	Công ty con	Mua hàng hóa	17.000.000	-
			68.512.464.510	118.946.223.516

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng thu nhập	8.189.246.175	4.808.000.000
TỔNG CỘNG	8.189.246.175	4.808.000.000

31. CÁC CAM KẾT

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	37.712.593.864	19.082.981.062
Trên 1 – 5 năm	116.112.312.840	60.076.301.927
Trên 5 năm	88.426.929.002	80.312.420.916
TỔNG CỘNG	242.251.835.706	159.471.703.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết về thuê hoạt động

Tổng Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Tổng Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	1.299.386.088	702.183.555
Trên 1 – 5 năm	6.496.930.440	3.510.917.775
Trên 5 năm	49.391.337.620	21.890.859.979
TỔNG CỘNG	57.187.654.148	26.103.961.309

32. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

<i>Mã số</i>		<i>Đơn vị tính: VND</i>		
		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG				
121	Chứng khoán kinh doanh (i)	-	197.046.708.523	197.046.708.523
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	242.046.708.523	(197.046.708.523)	45.000.000.000
222	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (ii)	467.908.092.528	(148.649.765.571)	319.258.326.957
223	Giá trị khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình (ii)	(114.581.956.927)	9.944.223.521	(104.637.733.406)
231	Nguyên giá bất động sản đầu tư (ii)	-	148.649.765.571	148.649.765.571
232	Giá trị khấu hao lũy kế bất động sản đầu tư (ii)	-	(9.944.223.521)	(9.944.223.521)

(i) Phân loại lại các khoản trái phiếu nắm giữ cho mục đích kinh doanh ngắn hạn theo chủ trương đầu tư của Tổng Công ty.

(ii) Phân loại lại tài sản cố định của Tòa nhà Gelex Tower tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội sang bất động sản đầu tư theo tỷ lệ diện tích cho bên ngoài thuê và sử dụng nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua Quyết định số 30/2017/GELEX/QĐ-HĐQT về việc thành lập Công ty TNHH Một thành viên GELEX Land với vốn điều lệ là 50 tỷ VND. Ngành nghề kinh doanh của công ty con này là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 5.700.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari (“VIHEM”) thông qua phương thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ của VIHEM cho Tổng Công ty. Qua đó, Tổng Công ty sở hữu tổng cộng 7.190.700 cổ phần của VIHEM (tương đương 65,37% vốn điều lệ) và VIHEM trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày này.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn thành việc chia cổ phiếu thưởng dựa trên chủ trương đã được phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 21/GELEX/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Nghị quyết số 26/2017/GELEX/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 6 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 34.800.000 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu, bao gồm nguồn thặng dư vốn cổ phần, Quỹ đầu tư phát triển và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và qua đó, tăng vốn điều lệ lên 2.668 tỷ VND.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.



Người lập
Dương Việt Nga



Kế toán trưởng
Phạm Tuấn Anh



Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Tuấn

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM